

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGHIÊN CỨU GIÁ TRỊ CẠM NHẬP VÀ SỰ
SẴN SÀNG ĐÓNG GÓP TÀI CHÍNH CHO HOẠT
ĐỘNG BỐ TÀI QUẢN TRỊ DI TÍCH CẠM ĐÔ HƯ
CẠM KHÁCH DU LỊCH VÀ DOANH NGHIỆP

TRẦN THỊ QUỲNH D

Niên Khóa: 2015-2019

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
NGHIÊN CỨU GIÁ TRỊ CẠM NHẬN VÀ SỰ
SẴN SÀNG ĐÓNG GÓP TÀI CHÍNH CHO HOẠT
ĐỘNG BƠI TẬP QUẢN TRỊ ĐI TÍCH CẢ ĐÔ HUY
CẢ KHÁCH DU LỊCH VÀ DOANH NGHIỆP



Sinh viên thực hiện:
Trần Thị Quỳnh Diệu
Lớp: K49B-QTKD
Mã sinh viên: 15K4021022

Giảng viên hướng dẫn:
ThS. Phạm Phú Cường Trung

Niên Khóa: 2015-2019

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến quý Thầy, Cô Khoa Quản trị kinh doanh cũng như các Thầy, Cô trong Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế đã tận tình dạy dỗ, truyền đạt những kiến thức quý báu trong suốt thời gian tôi ngồi trên ghế nhà trường, từ đó giúp tôi có nền tảng kiến thức nhất định để có thể hoàn thành đề tài này.

Xin gửi lời cảm ơn đặc biệt nhất đến Thầy giáo Thạc sĩ Phạm Phú Trung - người đã tận tình hướng dẫn, góp ý và truyền đạt kiến thức cho tôi hoàn thành đề tài này. Cảm ơn Thầy đã luôn chỉ dạy, đồng viên, giúp đỡ tôi trong suốt thời gian vừa qua.

Cùng với đó, tôi xin cảm ơn các Anh/Chị Công ty TNHH du lịch Trại nghiệm mới Huế đã luôn tạo điều kiện thuận lợi, hướng dẫn, giúp đỡ tôi trong quá trình thực tập tại đơn vị. Tôi cũng xin cảm ơn ban lãnh đạo Sở Du lịch Thừa Thiên Huế và Trung tâm báo tin di tích Cố đô Huế đã cung cấp thông tin cho tôi hoàn thành bài khóa luận của mình.

Xin chân thành cảm ơn những tình cảm, sự đồng viên, giúp đỡ về mặt vật chất và tinh thần của gia đình, người thân và bạn bè trong suốt thời gian học tập cũng như trong thời gian hoàn thành đề tài này.

Tuy có nhiều sự cố gắng nhưng trong đề tài này không thể nào tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự đóng góp, nhận xét, bổ sung thêm của quý Thầy, Cô, các bạn sinh viên và những người quan tâm đến đề tài này để bài khóa luận tốt nghiệp của tôi được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Huế, tháng 12 năm 2018

Sinh viên

Trần Thị Quỳnh Đan

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2. 1: Tình hình khách tham quan - du lịch tại Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015- 2017	27
Bảng 2. 2: Doanh thu từ hoạt động du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015- 2017	28
Bảng 2. 3 Các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng của các chính phủ và tổ chức quốc tế giai đoạn 2014-2017.	43
Bảng 2. 4: Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo đối với khách du lịch.....	59
Bảng 2. 5: kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo đối với doanh nghiệp (lần 1)	63
Bảng 2. 6: Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo đối với doanh nghiệp (lần 2)	66
Bảng 2. 7: kết quả kiểm định KMO và Bartlett của các biến để đo lường.....	68
Bảng 2. 8: Tổng hợp sai trích các biến để đo lường.....	68
Bảng 2. 9: Ma trận xoay các nhân tố biến để đo lường đối với khách du lịch.....	69
Bảng 2. 10: Ma trận xoay các nhân tố biến để đo lường đối với doanh nghiệp.....	71
Bảng 2. 11: kết quả kiểm định Bartlett's và hệ số KMO của các biến phụ thuộc	74
Bảng 2. 12: Tổng hợp sai trích các biến phụ thuộc	74
Bảng 2. 13: Ma trận xoay các nhân tố biến phụ thuộc	74
Bảng 2. 14: Kết quả kiểm định tổng quan giữa biến phụ thuộc và các biến để đo lường.....	76
Bảng 2. 15: Thang kê đánh giá về giá trị cảm nhận di sản văn hóa.....	77
Bảng 2. 16: Thang kê đánh giá về giá trị cảm nhận di sản văn hóa.....	79
Bảng 2. 17: Thang kê đánh giá về giá trị cảm nhận di sản văn hóa.....	81
Bảng 2. 18: So sánh sự khác nhau về ý kiến đánh giá giá trị cảm nhận theo từng tiêu chí.....	83
Bảng 2. 19: So sánh sự khác nhau về ý kiến đánh giá giá trị cảm nhận theo từng tiêu chí.....	84
Bảng 2. 20: các thuộc tính và cấp độ của chuỗi ngành trình.....	87
Bảng 2. 21: các chuỗi ngành trình để xuất.....	88
Bảng 2. 22: Lựa chọn của du khách về các chuỗi ngành trình báo cáo.....	89
Bảng 2. 23: Lựa chọn của doanh nghiệp về các chuỗi ngành trình báo cáo.....	89
Bảng 2. 24: Bảng đánh giá các cấp độ, thuộc tính của chuỗi ngành trình báo cáo	90

DANH MỤC SƠ ĐỒ , BIỂU ĐỒ

Sơ đồ 1: Mô hình phân tích giá trị cốt lõi của DSVH của John Armbricht.....	22
Biểu đồ 2. 1: Biểu đồ so sánh lượng khách tham quan Quần thể di tích Huế giai đoạn (1993-2016).....	49
Biểu đồ 2.2: Biểu đồ doanh thu từ phí tham quan tại Quần thể di tích Cố đô Huế qua các năm (1996-2016).....	50
Biểu đồ 2.3: Quan tâm đến DSVH, di tích lịch sử của địa phương.....	50
Biểu đồ 2.4: Kênh thông tin khách biết đến Quần thể di tích Cố đô Huế	51
Biểu đồ 2.5: Số lượng du khách đến Huế	52
Biểu đồ 2.6: Số lượng du khách đến Huế	52
Biểu đồ 2.7: Địa điểm của địa điểm.....	53
Biểu đồ 2.8: Nghề nghiệp hiện tại của địa điểm.....	53
Biểu đồ 2.9: Mục tiêu hợp nhất của địa điểm.....	54
Biểu đồ 2.10: Chức vụ trong công ty.....	54
Biểu đồ 2.11: Loại hình doanh nghiệp.....	55
Biểu đồ 2.12: Quy mô doanh nghiệp.....	55
Biểu đồ 2.13: Doanh nghiệp có kinh doanh dịch vụ du lịch hay không?.....	56
Biểu đồ 2.14: Loại hình dịch vụ của doanh nghiệp.....	57
Biểu đồ 2.15: Địa điểm khách hàng của doanh nghiệp.....	57
Biểu đồ 2.16: Doanh thu của doanh nghiệp/năm.....	58
Biểu đồ 2.17: Đánh giá công tác bảo tồn Quần thể di tích Cố đô Huế của du khách	86
Biểu đồ 2.18: Đánh giá công tác bảo tồn Quần thể di tích Cố đô Huế của doanh nghiệp.....	86
Biểu đồ 2.19: Tham gia chương trình bảo tồn Quần thể di tích Cố đô Huế của khách du lịch ...	91
Biểu đồ 2.20: Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp dịch vụ khi đến tham quan du lịch tại Huế của khách du lịch.....	92
Biểu đồ 2.21: Mục đích phí trả.....	92
Biểu đồ 2.22: Tham gia chương trình bảo tồn của doanh nghiệp.....	93

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

UNESCO: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc

DSVH: Di sản văn hóa

SPSS: Statistical Package for the Social Sciences

CNH,HĐH: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa

SPSS: Statistical Package for the Social Sciences

BTĐT CĐ: Bộ tiêu chí đánh giá

M C L C

L I C M N	i
DANH M C B NG	ii
DANH M C S Đ , B U Đ	iii
DANH M C CH VI T T T	iv
PH N I Đ T V N Đ	1
1. Lý do ch n đ tài	1
2. M c tiêu nghiên c u	2
2.1. M c tiêu nghiên c u chung	2
2.2. M c tiêu nghiên c u c th 	2
3. Câu h i nghiên c u	2
4. Đ i t ng và ph m vi nghiên c u	3
4.1. Đ i t ng nghiên c u	3
4.2. Ph m vi nghiên cứu	3
5. Ph ng pháp nghiên c u	3
5.1. Ph ng pháp thu th p thông tin:	4
5.2. Ph ng pháp x lý và phân tích d li u:	5
6. Ý nghĩa khoa h c và th c t n c a đ tài	5
7. K t câu lu n v n	6
PH N II N I DUNG NGHIÊN C U	7
Ch ng I: M T S V N Đ LÝ LU N VÀ TH C TI N V B O	
T N DI S N VĂN HÓA VÀ PHÁT TRI N DU L CH	7
1.1. Lý lu n chung v di s n văn hóa	7
1.1.1. Khái ni m v di s n văn hóa.	7
1.1.2. Phân lo i di s n văn hóa.	8
1.2. Quan đi m v b o t n và phát huy di s n văn hóa.	9
1.3. Tài chính cho b o t n di s n văn hóa	13
1.4. Kinh nghi m b o t n di s n văn hóa c a các qu c gia trên th gi i	14
1.5. Lý lu n chung v du l ch	16
1.6. M i quan h gi a du l ch và di s n văn hóa.	17
1.7. Giá tr di s n văn hóa	19
1.8. Mô hình nghiên c u.	20

CHƯƠNG II THỰC TRẠNG BỘ OTN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÀI QUẢN THỊ DI TÍCH CỐ ĐÔ HUẾ	23
2.1. Tổng quan du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	23
2.1.1. Tiềm năng phát triển du lịch ở Huế	23
2.1.2. Điều kiện thuận lợi và khó khăn của ngành du lịch Huế	24
2.1.2.1. Thuận lợi phát triển du lịch của Thừa Thiên Huế	24
2.1.2.2. Khó khăn phát triển du lịch của Thừa Thiên Huế	26
2.1.3. Thực trạng du lịch tại Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015- 2017	27
2.1.3.1. Tình hình khách tham quan - du lịch tại Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015- 2017	27
2.1.3.2. Doanh thu từ hoạt động du lịch tại Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015- 2017	28
2.2. Khái quát về quần thể di tích cố đô Huế	29
2.2.1. Điều kiện tự nhiên	30
2.2.2. Điều kiện kinh tế xã hội	31
2.2.3. Các di sản văn hóa nằm trong quần thể di tích cố đô Huế	33
2.2.3.1. Công trình trong kinh thành Huế	33
2.2.3.2. Công trình ngoài kinh thành Huế	36
2.2.3.3. Các di tích khác:	39
2.3. Thực trạng bộ OTN và phát huy giá trị văn hóa quần thể di tích cố đô Huế	41
2.3.1. Nhận thành tựu trong việc bộ OTN và phát huy giá trị văn hóa	42
2.3.2. Nhận hạn chế trong việc bộ OTN và phát huy giá trị văn hóa	47
2.4. Lượng khách tham quan Quần thể di tích Cố đô Huế và doanh thu từ phí tham quan	49
2.4. Đánh giá giá trị công nhận DSVH của du khách và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trên địa bàn thành phố Huế về giá trị văn hóa ở quần thể di tích cố đô Huế	50
2.4.1. Thông tin chung về mẫu điều tra	50
2.5. Đánh giá chất lượng trình tự tiếp nhận bộ OTN Quần thể di tích cố đô Huế	85
2.5.1. Đánh giá công tác bộ OTN Quần thể di tích cố đô Huế	85
2.5.2. Đánh giá chất lượng trình bộ OTN tiếp nhận	86
2.5.2.1. Các chất lượng trình bộ OTN để xuất	87
2.5.2.2. Đánh giá các chất lượng trình bộ OTN để xuất	89
2.5.3. Đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia các chất lượng trình bộ OTN	91
2.5.3.1. Đối với khách du lịch:	91

CHƯƠNG 3: GIỚI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN TÀI CHÍNH CHO HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN QUẢN THỰC DI TÍCH CỐ ĐÔ HUẾ	94
3.1. Định hình	94
3.2. Giới pháp	94
3.2.1. Giới pháp gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa Quần thể di tích Cố đô Huế	94
3.2.2. Nâng cao nhận thức cho người dân và bảo tồn Quần thể di tích Cố đô Huế	95
3.2.3. Thực hiện quy chế quản lý, bảo tồn, tôn tạo và sử dụng di tích thuộc Quần thể di tích Cố đô Huế	95
3.3.4. Giới pháp huy động tài chính cho hoạt động bảo tồn quản thực di tích Cố đô Huế	95
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	97
1. Kết luận.....	97
2. Kiến nghị.....	97
2.1. Đối với Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế	97
2.2. Đối với Trung tâm bảo tồn quản thực di tích Cố đô Huế	97
2.3. Đối với doanh nghiệp, công ty kinh doanh dịch vụ du lịch.....	98
2.4. Đối với người dân địa phương tại Thành phố Huế	98
2.5. Đối với khách du lịch.....	98
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	99
PHỤ LỤC I.....	100
A. PHỤ LỤC KHẢO SÁT KHÁCH HÀNG	100
B. PHỤ LỤC KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP.....	104
PHỤ LỤC II: DỮ LIỆU SPSS.....	108

PHẦN I ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Kinh tế, xã hội ngày càng phát triển thì đời sống con người ngày một nâng cao đi lên đó đã tạo điều kiện cho việc đi du lịch trở thành nhu cầu phổ biến của con người hiện nay. Du lịch văn hóa đã và đang trở thành xu hướng phổ biến của nhiều quốc gia trên thế giới và khu vực, đặc biệt là với những nước đang phát triển khi mà nền tảng, quy mô, nguồn lực không lớn, chưa có đủ thế mạnh trong việc xây dựng những điểm du lịch đắt tiền, những trung tâm giải trí tầm cỡ và hiện đại. Đối với nước ta, du lịch văn hóa cũng được xác định là một trong những loại hình du lịch được chú trọng phát triển và tiềm năng phát triển.

Tọa lạc hai bên bờ sông Hồng, thành phố Huế là di sản văn hóa thế giới thuộc tỉnh Thừa Thiên – Huế. Huế sở hữu những di tích lịch sử có giá trị cao nằm trong Quần thể di tích Cố Đô Huế như Kinh Thành Huế, Lăng Minh Mạng, Lăng Gia Long, Chùa Thiên Mụ, Văn Miếu và Trường Quốc Học,... Các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh của địa phương là nguồn tài nguyên du lịch có vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển du lịch của quốc gia nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng.

Tuy nhiên, du lịch Huế vẫn chưa phát triển xứng với tiềm năng vốn có của nó. Ngành du lịch của địa phương đang trên đà phát triển nhưng còn nhiều hạn chế: tài nguyên du lịch và các sản phẩm du lịch văn hóa chưa được đầu tư chính đáng, chưa thu hút được vốn đầu tư của nước ngoài cho các sản phẩm du lịch có chất lượng cao tiêu chuẩn quốc tế, cũng như vốn đầu tư cho các dịch vụ phục vụ khách du lịch nên chưa thu hút được du khách lưu trú dài ngày trên địa bàn. Bên cạnh đó, công tác bảo tồn văn hóa còn hạn chế, nhiều di sản trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa đến nay chưa có kinh phí đầu tư cải thiện. Đồng thời hoạt động du lịch chưa thực sự gắn với bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa, các cơ quan chức năng và các doanh nghiệp du lịch có sự gắn kết trong việc khai thác và bảo tồn các tài nguyên du lịch.

Tính nhúng lý do trên, đề tài: “**Nghiên cứu giá trị cộng nhúng và sự sẵn sàng đóng góp tài chính cho hoạt động bảo tồn quần thể di tích Cù Lao Hồ của khách du lịch và doanh nghiệp**” được chọn làm đề tài luận văn tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu chung

Đề tài nghiên cứu giá trị cộng nhúng và sự sẵn sàng đóng góp tài chính cho hoạt động bảo tồn quần thể di tích Cù Lao Hồ của khách du lịch và doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế.

2.2. Mục tiêu nghiên cứu cụ thể

Hệ thống hóa các số lý luận về bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch.

Đánh giá thực trạng phát triển du lịch tại Thừa Thiên Huế từ năm 2015- 2017.

Phân tích đánh giá thực trạng hoạt động bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa quần thể di tích Cù Lao Hồ.

Đánh giá giá trị cộng nhúng của khách du lịch và doanh nghiệp về giá trị văn hóa quần thể di tích Cù Lao Hồ.

Đánh giá lựa chọn của khách du lịch và doanh nghiệp về các chương trình bảo tồn được đề xuất.

Đề xuất phương hướng và giải pháp để huy động nguồn tài chính cho hoạt động bảo tồn quần thể di tích Cù Lao Hồ từ du khách và doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Thực trạng bảo tồn quần thể di tích Cù Lao Hồ hiện nay như thế nào?

Thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế?

Cộng nhúng của du khách và doanh nghiệp đối với Quần thể di tích Cù Lao Hồ như thế nào?

Chương trình bảo tồn Quần thể di tích Cù Lao Hồ nào là tối ưu nhất?

Những định hướng phát triển và giải pháp để huy động nguồn tài chính cho hoạt động bảo tồn quần thể di tích cổ đô Huế từ khách du lịch và doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu tìm năng phát triển du lịch tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, thực trạng bảo tồn và giải pháp nhằm huy động nguồn tài chính cho hoạt động bảo tồn quần thể di tích cổ đô Huế.

Đối tượng đi sâu tra: khách du lịch đến tham quan tại các địa điểm nằm trong quần thể di tích cổ đô Huế và các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trên địa bàn.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung nghiên cứu

Đề tài này chủ yếu nghiên cứu về kinh tế học văn hóa, dựa trên các di sản văn hóa của quần thể di tích cổ đô Huế

Về không gian:

Đề tài nghiên cứu tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Về thời gian:

Thời gian nghiên cứu: chủ yếu nghiên cứu bảo tồn và phát triển du lịch quần thể di tích cổ đô Huế từ năm 2015 đến năm 2017.

Thời gian thực hiện đề tài: 10/2018 – 12/2018.

5. Phương pháp nghiên cứu

Lưu ý vấn đề kết hợp hai phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính để xác thực hiện trong quá trình phỏng vấn chuyên gia nhằm xây dựng và đi sâu chỉnh sửa câu hỏi. Nghiên cứu định lượng để xác thực hiện để xây dựng mô hình đánh giá tác động của các nhân tố tới cảm nhận của du khách và doanh nghiệp về các địa điểm nằm trong quần thể di tích cổ đô Huế để từ đó có thể đưa ra lựa chọn chính sách trong bảo tồn tại khu vực.

5.1. Phương pháp thu thập thông tin:

Dữ liệu thứ cấp được tham khảo thông qua Internet, những bài báo cáo, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua hình thức khảo sát thực tế, tham khảo ý kiến du khách và doanh nghiệp.

Nghiên cứu này được thực hiện qua hai giai đoạn: (1) nghiên cứu sơ bộ và (2) nghiên cứu chính thức.

(1) Nghiên cứu sơ bộ được thực hiện thông qua phương pháp nghiên cứu định tính. Nghiên cứu sơ bộ định tính được tiến hành bằng phương pháp thảo luận nhóm tập trung với đối tượng là chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực du lịch và báo tin các DSVH nhằm khám phá, điều chỉnh, bổ sung các biến quan sát từ thang đo nháp để hình thành nên thang đo chính thức.

(2) Nghiên cứu chính thức được thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua bảng câu hỏi khảo sát trực tiếp du khách đến tham quan tại quần thể di tích Cổ đô Huế và doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn thành phố. Do đó tài có sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA và hội quy tuyến tính bởi các nhân tố được lập với biến phụ thuộc trong phân tích và xử lý số liệu, nên kích cỡ mẫu cần phải thỏa mãn một số điều kiện như đây:

Theo Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008) thì số mẫu cần thiết để phân tích nhân tố phải lớn hơn hoặc bằng năm lần số biến quan sát.

Theo Nguyễn Đình Thọ (2014): Số mẫu cần thiết để có thể tiến hành phân tích hội quy phải thỏa mãn: $n_{min} = 8p + 50$ (p là số biến được lập).

Đội với khảo sát khách du lịch:

$$n_{min} = \text{số biến quan sát} * 5 = 27 * 5 = 135$$

$$n_{min} = 8p + 50 = 8 * 6 + 50 = 98$$

Trong đó: p là số biến được lập (trong đề tài thì p = 6)

Kết hợp hai phương pháp phân tích dữ liệu, kích thước mẫu phù hợp là 135. Tuy nhiên, để đảm bảo tính chính xác của số liệu và việc thu hồi phiếu khảo sát trong quá trình điếu tra, kích thước mẫu được xác định là 150.

Đi về khảo sát khách doanh nghiệp:

$$n_{min} = \text{số biên quan sát} * 5 = 28 * 5 = 140$$

$$n_{min} = 8p + 50 = 8 * 6 + 50 = 98$$

Trong đó: p là số biên để lập (trong đó tài thì p = 6)

Kết hợp hai phương pháp phân tích dữ liệu, kích thước mẫu phù hợp là 140. Tuy nhiên, để đảm bảo tính chính xác của số liệu và việc thu hồi phiếu khảo sát trong quá trình điếu tra, kích thước mẫu được xác định là 150.

5.2. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu:

Dùng phần mềm excel để tính toán lường tăng giảm, tốc độ tăng trưởng và phát triển ngành du lịch Thừa Thiên Huế.

Sau khi hoàn thành thu thập dữ liệu từ du khách, tiến hành mã hóa dữ liệu, nhập dữ liệu vào máy, làm sạch dữ liệu thông qua công cụ hỗ trợ SPSS. Các phương pháp phân tích được sử dụng:

Kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha: Phân tích độ tin cậy Cronbach Alpha: nhóm loại bỏ các biên có độ tin cậy thấp.

Phân tích các nhân tố EFA để xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị cảm nhận của du khách: gom và thu nhập dữ liệu.

Phương pháp phân tích hồi quy đa biến nhằm xác định ảnh hưởng của các nhân tố giá trị cảm nhận của khách du lịch.

Kiểm định giả thuyết thống kê nhằm đánh giá độ tin cậy và ý nghĩa thống kê của các kết quả nghiên cứu được trình bày.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Đề nhằm cung cấp một cái nhìn tổng quát nhất về công tác bảo tồn quần thể di tích Cổ đô Huế những năm qua, và từ đó đề xuất các chương trình nhằm huy động nguồn tài chính cho hoạt động bảo tồn từ các dịch vụ du lịch.

Ngoài ra, đề tài còn phân tích, đánh giá giá trị cảm nhận của khách du lịch cũng như các doanh nghiệp đang kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế và giá trị cảm nhận văn hóa đối với quần thể di tích Cổ đô Huế.

Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở cho Trung Tâm Bảo Tồn Quần Thể Di Tích Cổ Đô Huế nghiên cứu sâu hơn và áp dụng các giải pháp và chương trình bảo tồn để xuất vào thực tiễn.

Tuy nhiên, do thời gian nghiên cứu có hạn nên đề tài còn hạn chế chủ yếu đánh giá được giá trị cảm nhận của du khách nội địa chưa thu thập và đánh giá được giá trị cảm nhận cũng như là chủ nhân tham gia vào các chương trình bảo tồn của du khách quốc tế và giá trị văn hóa Quần thể di tích Cổ đô Huế

7. Kết cấu luận văn

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Nội dung nghiên cứu gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo tồn DSVH và phát triển du lịch.

Chương 2: Thực trạng bảo tồn và phát triển du lịch tại quần thể di tích Cổ đô Huế

Chương 3: Một số giải pháp và chương trình bảo tồn từ ý thức nhằm tăng ngân sách cho bảo tồn quần thể di tích Cổ đô Huế từ nguồn thu du lịch.

Phần III: Kết luận và kiến nghị

PHẦN II NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Chương I: MẶT TẠO VÀ NỘI DUNG LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1.1. Lý luận chung về di sản văn hóa.

1.1.1. Khái niệm về di sản văn hóa.

Khái niệm văn hóa được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau, nhưng xu hướng định nghĩa văn hóa theo tính giá trị và tính đặc trưng cho cộng đồng chủ thể sáng tạo đang được nhiều người chấp nhận nhất. Theo cách định nghĩa này thì: Văn hóa là một hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần được trưng bày cho bên ngoài của cộng đồng người, do cộng đồng con người sáng tạo và tích lũy trong quá trình hoạt động thực tiễn và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tính chất lưu truyền đã biến văn hóa của thế hệ trước trở thành di sản văn hóa của thế hệ sau. Vì vậy, di sản văn hóa (DSVH) chính là hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do một cộng đồng người sáng tạo và tích lũy trong một quá trình lịch sử lâu dài và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nó là bộ phận quan trọng nhất, từng bước tích lũy và đã được thừa kế gian tham định của một nền văn hóa cụ thể.

Điều 1 Luật di sản văn hóa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nêu rõ định nghĩa về DSVH của Việt Nam như sau: “DSVH bao gồm DSVH phi vật thể và DSVH vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

DSVH là yếu tố cốt lõi của văn hóa, chuyển tải bản sắc văn hóa của một cộng đồng xã hội. Di sản văn hóa Việt Nam là kết tinh trí tuệ, tình cảm, truyền thống của các thế hệ, là tài sản văn hóa quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của DSVH nhân loại. Mặc dù phải trải qua biết bao biến cố của lịch sử, bom mìn, hỏa hoạn, bị chiếm tranh và diu kiến khc nghiit của thiên nhiên, nhưng kho tàng DSVH của dân tộc ta vẫn vô cùng phong phú và đa dạng. DSVH có ý nghĩa to lớn trong việc hình thành nhân cách con người Việt Nam trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

lai, là nguồn lực quan trọng đóng góp trực tiếp vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

1.1.2. Phân loại di sản văn hóa.

Theo UNESCO, DSVH bao gồm 2 loại:

Di sản “văn hóa vật thể” (tangible culture) là những DSVH được bảo tồn và lưu giữ dưới dạng hình thức hữu hình mà ta có thể nhận biết được bằng sức giác, là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm: di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

DSVH vật thể được tạo tác từ bàn tay khéo léo của con người, để lại dấu ấn lịch sử rõ rệt. Văn hóa vật thể được khách thể hóa và tồn tại như một thực thể ngoài bản thân con người. DSVH vật thể luôn chịu sự thách thức của quy luật bào mòn của thời gian, trong sự tác động của con người và thiên nhiên, luôn đứng trước nguy cơ biến dạng hoặc thay đổi rất nhiều so với nguyên gốc. Hiện nay, vấn đề bảo tồn những DSVH vật thể lâu đời đòi hỏi công nghệ kỹ thuật cao mới có thể phục hồi nguyên trạng.

Di sản “văn hóa phi vật thể” (intangible culture) là những thực thể tồn tại của văn hóa tiềm ẩn trong trí nhớ, ký ức cộng đồng, tập tính, hành vi ứng xử của con người và thông qua các hoạt động sống của con người trong sản xuất, giao tiếp xã hội mà thể hiện ra. Tuy đó người ta có thể nhận biết được sự tồn tại của văn hóa. Đặc trưng rõ nhất của văn hóa phi vật thể là nó luôn chìm khuất trong tâm thức của một cộng đồng xã hội và chỉ bộc lộ ra qua hành vi và hoạt động của con người. Văn hóa phi vật thể được lưu giữ trong thế giới tinh thần, và được bảo tồn sinh động thông qua các hình thức diễn xướng trong các cách mặt hiện tượng văn hóa.

Cũng như văn hóa nói chung, DSVH phi vật thể liên tục thay đổi, tiến hóa và ngày càng được các thế hệ sau làm giàu hơn. Tuy nhiên, các hiện tượng văn hóa phi vật thể cũng có thể bị đe dọa và có nguy cơ bị thất truyền do ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa và đồng hóa văn hóa, cũng như do thiếu sự quan tâm, tôn trọng và hiểu biết của con người. Trong thực tế, người ta thường có xu hướng thêm bớt hoặc lãng quên trong quá trình lưu giữ những giá trị phi vật thể. Cho nên, văn hóa phi vật thể vẫn có tính bền vững (trong ký ức cộng đồng) lại vẫn mang tính mong manh, dễ bị tổn

thông (phụ thuộc vào cuộc sống cá nhân - nghề nghiệp và bao may rủi bất ngờ). Hơn nữa, văn hóa phi vật thể còn có nguy cơ biến dạng rất cao bởi tính dễ biến của nó do sự can thiệp của các nhóm xã hội qua các thời đại.

Tuy có sự phân biệt nhưng hai loại hình này luôn có mối quan hệ hữu cơ và biến chuyển, chúng song song tồn tại và có tác động qua lại lẫn nhau. Mối mặt di tích do tín nhân sáng tạo đều liên quan mật nhu cầu hoạt động tinh thần nào đó. Di tích lịch sử văn hóa là sản phẩm vật chất nhưng luôn mang trong mình những yếu tố phi vật chất là thông điệp, sức sáng tạo, ý thức xã hội, đời sống tinh thần, tâm linh của thế hệ trước lưu truyền cho thế hệ sau.

Do vậy, dù là DSVH vật thể hay DSVH phi vật thể nếu không được bảo tồn, nuôi dưỡng đúng cách thì cũng sẽ gặp phải nguy cơ mai mất biến dạng, hoặc mất đi vĩnh viễn. Vì vậy, chúng ta phải có những biện pháp bảo vệ phù hợp với từng loại hình DSVH để góp phần lưu giữ nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc. Bảo tồn di sản và truyền dạy cho các thế hệ tương lai sẽ giúp củng cố và giữ gìn di sản sống và cho phép nó thay đổi và thích ứng với hiện tại.

1.2. Quan điểm về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.

Bảo tồn là bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại của sự vật hiện tượng theo đúng thực vật có của nó. Bảo tồn là giữ lại, không để mất đi, không để biến thay đổi, biến hóa hay biến thái. Còn “phát huy là làm cho cái hay, cái tốt của sáng tác được và tiếp tục nảy nở thêm”. Như vậy, trong nội hàm của thuật ngữ này, có khái niệm “cải biến”, “nâng cao” hoặc “phát triển”. Hơn nữa, khi nói đến thuật ngữ bảo tồn “phải để nhìn là tinh hoa”, chúng ta đã khẳng định giá trị đích thực và khả năng tồn tại theo thời gian, đời đời nhiều thế hệ và hình thức khác nhau của đời sống để được bảo tồn.

Bảo tồn các DSVH là mặt hoạt động nhằm mục đích lưu giữ, bảo vệ các DSVH đang có nguy cơ biến mất vì lý do này hay lý do khác. Bảo tồn bao gồm nhiều hoạt động khác nhau như việc điều tra, nghiên cứu, bảo quản, tu bổ, phục dựng. Bảo tồn được coi là mặt lĩnh vực khoa học chuyên ngành với những yêu cầu và khả năng riêng biệt. Bên cạnh đó việc bảo tồn các DSVH vật thể phải tuân thủ các nguyên tắc và việc trùng tu, tôn tạo, bảo quản.

Khi báo tìn DSVH, mỗi cá nhân, tổ chức cần phải hiểu đi sâu là tài sản, niềm tự hào, nền văn hóa của chính người dân sở tại. Chính vì điều này mà nguyên tắc đầu tiên trong báo tìn DSVH cần phải đảm bảo, đó là cân bằng lợi ích giữa báo tìn văn hóa và lợi ích kinh tế.

DSVH cần được nhìn nhận như một bộ phận hữu cơ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế và DSVH là hai yếu tố tương tác, bổ sung và hỗ trợ cho nhau. Và do đó, việc báo tìn DSVH không được cần trọng, mà ngược lại, còn phải tạo ra động lực cho phát triển xét dưới góc độ tác động tới việc hình thành nhân cách con người và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ trực tiếp cho phát triển.

DSVH phải được gắn với con người và cộng đồng dân địa phương (với tư cách là chủ thể sáng tạo văn hóa và chủ sở hữu tài sản văn hóa), coi việc đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa lành mạnh của đông đảo công chúng trong xã hội là mục tiêu hoạt động.

Đối tượng báo tìn (tức là các giá trị DSVH vật thể và phi vật thể) cần thỏa mãn hai điều kiện:

Một là, nó phải được coi là tinh hoa, là một giá trị đích thực được thừa nhận mình bảo vệ, không có gì phải hoài nghi hay bàn cãi.

Hai là, nó phải hàm chứa khả năng, chí ít là tiềm năng, được vận dụng lâu dài với thời gian, là cái giá trị của nhiều thời (tức là có giá trị lâu dài) trở nên bền vững đối với sự vận động vật chất và tinh thần của con người, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra cực kỳ sôi động.

Quan điểm về báo tìn DSVH đã được các nhà khoa học ở Việt Nam và trên thế giới nghiên cứu theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, các nhà khoa học đều cho rằng tùy thuộc vào từng loại hình di sản mà đưa ra các quan điểm báo tìn khác nhau để vừa giữ được những giá trị nguyên gốc những vốn phát huy được giá trị của nó trong xã hội đương đại.

Báo tìn nguyên vẹn (báo tìn trong dòng “tĩnh”)

Báo tìn nguyên vẹn văn hóa vật thể đang “tĩnh” là vốn đang thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ cao, hiện đại đảm bảo giữ nguyên trạng hiện vật như vốn có và

kích thước, vị trí, đường nét màu sắc, kiểu dáng. Khi cần phục nguyên các DSVH vật thể cần sử dụng hiệu quả các phương tiện kỹ thuật như: đồ họa kỹ thuật vì tính công nghệ 3D theo không gian ba chiều; chụp ảnh; băng hình video; xác định trong lòng, thành phần chất liệu của DSVH vật thể. Sau khi tiến hành bảo tồn nguyên vẹn, phải so sánh đối chiếu số liệu với nguyên mẫu đã được lưu giữ chi tiết để không làm biến dạng DSVH vật thể.

Bảo tồn văn hóa phi vật thể là tiến hành điều tra sưu tầm, thu thập các dòng tộc văn hóa phi vật thể như nó hiện có theo quy trình khoa học nghiêm túc chặt chẽ, “giữ” chúng trong sách vở, các ghi chép, mô tả bằng băng hình (video), băng tiếng (audio), ảnh... Tất cả các hiện tượng văn hóa phi vật thể này có thể lưu giữ trong các kho lưu trữ, các viện bảo tàng.

Bảo tồn trên cơ sở kỹ thuật (bảo tồn trong dòng “đông”)

Bảo tồn “đông”, tức là bảo tồn các hiện tượng văn hóa trên cơ sở kỹ thuật. Các DSVH vật thể được bảo tồn trên tinh thần giữ gìn những nét căn bản của di tích, công nghệ phục chế lấy nguyên trạng DSVH vật thể bằng nhiều kỹ thuật công nghệ hiện đại. Đối với các DSVH phi vật thể, bảo tồn “đông” trên cơ sở kỹ thuật là bảo tồn các hiện tượng văn hóa đó ngay chính trong đời sống cộng đồng. Bởi lẽ, cộng đồng không những là môi trường sinh ra các hiện tượng văn hóa phi vật thể mà còn là nơi tiếp nhận để gìn giữ, bảo vệ, làm giàu và phát huy văn hóa phi vật thể trong đời sống xã hội theo thời gian. Các hiện tượng văn hóa phi vật thể tồn tại trong ký ức cộng đồng, nếp nghĩ nếp nói trong đời sống, trong các hình thức diễn xướng, trong các nghi lễ, nghi thức, quy ước dân gian.

Văn hóa phi vật thể luôn tiềm ẩn trong tâm thức và trí nhớ của con người mà chúng ta thường gọi danh là những nghề nhân hay là những Báu vật nhân văn sống. Do đó bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể còn đồng nghĩa với việc bảo vệ những Báu vật nhân văn sống. Đó là việc xã hội thừa nhận các tài năng dân gian, tôn vinh họ trong cộng đồng, tạo điều kiện tốt nhất để trong hoàn cảnh có thể, để họ sống lâu, sống khỏe mạnh, phát huy được khả năng của họ trong quá trình bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Cần phải phục hồi các giá trị văn hóa phi vật thể một cách khách quan, sáng suốt, tin cậy, chứ không thể chủ quan tùy tiện. Tất cả